TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 104/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 20 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Quang K, sinh năm 1986.

HKTT và chỗ ở: Xóm B, thôn H, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

HKTT và chỗ ở: Xóm B, thôn H, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Bùi Quang K và chị Nguyễn Thị T.

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang K và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung là Bùi Quang T2, sinh ngày 23/7/2012. Giao anh Bùi Quang K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Quang T2 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Quang K tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016212 ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Trả lại anh Bùi Quang K 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đoàn Lan Hương

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *UBND xã V, huyện T, TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ.*